



BẢNG CÔNG KHAI THỰC PHẨM HÀNG NGÀY

(Ngày 20 tháng 03 năm 2026)

Sĩ số: 815 trẻ (Trung tâm: 430; Hải Đông: 385trẻ)

Tiền ăn: 23,520đ

STT	Tên thực phẩm	Đơn giá (đ)	Đơn vị tính	Tổng cộng		Điểm Trung tâm		Điểm Hải Đông	
				Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)
Nhóm đi chợ					15.124.500		7.930.000		7.194.500
1	Gừng tươi	60.000	Kg	1,8	108.000	1	60.000	0,8	48.000
2	Bí xanh	35.000	Kg	27,5	962.500	14,5	507.500	13	455.000
3	Cải ngọt	35.000	Kg	2	70.000	0,8	28.000	1,2	42.000
4	Thịt gà	130.000	Kg	49	6.370.000	26	3.380.000	23	2.990.000
5	Thịt lợn nạc	130.000	Kg	24	3.120.000	12,5	1.625.000	11,5	1.495.000
6	Hành khô	60.000	Kg	1,5	90.000	0,8	48.000	0,7	42.000
7	Hành lá	45.000	Kg	1,8	81.000	1	45.000	0,8	36.000
8	Rau mùi	85.000	Kg	1,3	110.500	0,7	59.500	0,6	51.000
9	Tôm nõn	220.000	Kg	1	220.000	0,4	88.000	0,6	132.000
10	Bánh mì bơ sữa	120.000	Kg	31,5	3.780.000	16,7	2.004.000	14,8	1.776.000
11	Xương lợn	85.000	Kg	2,5	212.500	1	85.000	1,5	127.500
Nhóm xuất kho					4.045.000		2.182.500		1.862.500
1	Gạo tẻ	20.000	Kg	64	1.280.000	33,5	670.000	30,5	610.000
2	Nước mắm Nam Ngư	70.000	Lít	1	70.000	0,5	35.000	0,5	35.000
3	Muối iốt tinh	15.000	Kg	1	15.000	0,5	7.500	0,5	7.500
4	Dầu ăn meizan	60.000	Kg	2,5	150.000	1,5	90.000	1	60.000
5	Sữa Meta Care Kinder	230.000	Kg	11	2.530.000	6	1.380.000	5	1.150.000
Tổng chi					19.169.500		10.112.500		9.057.000
Tổng thu					19.168.800		10.113.600		9.055.200
Tồn ngày hôm trước					4.120		(740)		4.860
Thừa (Thiếu)					3.420		360		3.060

815 23.520

430

385